TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Sương và bà Nguyễn Thị Thanh Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Trương Bảo Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 580/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024; Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 769/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 816/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Huy B chung sống với nhau năm 2019, hôn nhân do tự tìm hiểu, quen biết nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau do ông B có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông Bằng K sửa đổi nên hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và

ông B ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Huy B.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 20/9/1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Huy B được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, cho bà M được ly hôn với ông B. Về con chung: Bà M và ông B có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 20/9/1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông B nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn"*. Ông B có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà M và ông B kết hôn vào năm 2019, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế bà M và ông B đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và hiện nay không còn chung sống với nhau. Ông bà đã ly thân từ tháng 07/2020 đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà M yêu cầu ly hôn do bà không còn tình cảm với ông B, mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và bà từ chối hoà giải và có đơn xin vắng mặt. Từ đó cho thấy, bà M cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía ông B những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà thì ông B đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, ông B không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà M.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông B. Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2024 đại diện Ban ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang cho biết quá trình chung sống bà M và ông B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B1 ấp không biết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/12/2024 chị Nguyễn Thị Ngọc Y là con chung của bà M và ông B cho biết mâu thuẫn giữa ông B và bà M là do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cự cãi với nhau do ông B có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, mẹ chị có khuyên nhiều lần nhưng cha chị không sửa đổi nên hôn nhân không còn hạnh phúc, cha mẹ chị đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Theo chị thì cha mẹ chị không có khả năng đoàn tụ với nhau do mẹ chị cương quyết ly hôn với cha chị mặc dù gia đình có khuyên mẹ rất nhiều lần.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn với ông B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

[2.2] Về con chung: Bà M và ông B có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 20/9/1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc M.

- Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Huy B.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 20/9/1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006035 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Huy B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Khánh Hoà, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến